

Họ và tên:

Lớp:

ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ 1 – ĐỀ 6**Môn: Toán – Lớp 4****Bộ sách: Kết nối tri thức**

Thời gian làm bài: 40 phút

I. TRẮC NGHIỆM

(Khoanh vào chữ đặt trước câu trả lời đúng)

Câu 1: Số 47032 đọc là:

- A. Bốn mươi bảy nghìn hai trăm ba mươi. B. Bốn mươi bảy nghìn ba trăm linh hai.
C. Bốn mươi bảy nghìn không trăm ba mươi hai. D. Bốn mươi bảy nghìn ba trăm không mươi hai.

Câu 2: Chữ số 7 trong số 5729018 có giá trị là:

- A. 7000 B. 70000 C. 700000 D. 700

Câu 3: Viết số thích hợp vào chỗ chấm của: 4 tạ 9 kg = ... kg

- A. 400 B. 490 C. 409 D. 419

Câu 4: 2 phút 15 giây = giây

- A. 115 B. 135 C. 130 D. 140

Câu 5: Số thích hợp để viết vào chỗ chấm $9 \text{ m}^2 5 \text{ dm}^2 = \dots \text{ dm}^2$ là:

- A. 95 B. 950 C. 9005 D. 905

Câu 6: Hình vẽ bên có?

- A. Hai đường thẳng song song. Hai góc vuông. B. Hai đường thẳng song song. Ba góc vuông.
C. Ba đường thẳng song song. Hai góc vuông. D. Ba đường thẳng song song. Ba góc vuông.

II. TỰ LUẬN**Câu 7:** Điền số thích hợp vào chỗ chấm:

- a) 4 yến 30 kg = kg b) 5 thế kỉ = năm
c) 3 km 15 m = m d) 4 giờ 36 phút = phút

Câu 8: Đặt tính rồi tính.

- a) $235789 + 121021$ b) $89743 - 11599$

.....
.....
.....

Câu 9: Tính giá trị của biểu thức: $326 - 57 \times y$ với $y = 3$.

.....
.....
.....

Câu 10: Lớp 4A có 30 học sinh, lớp 4B có 32 học sinh, lớp 4C có số học sinh ít hơn lớp 4A là 3 bạn. Hỏi cả ba lớp có bao nhiêu học sinh?

.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....

-----**HẾT**-----

HƯỚNG DẪN GIẢI CHI TIẾT

I. TRẮC NGHIỆM

1.C	2.C	3.C	4.B	5.D	6.A
-----	-----	-----	-----	-----	-----

Câu 1: Số 47032 đọc là:

- A. Bốn mươi bảy nghìn hai trăm ba mươi. B. Bốn mươi bảy nghìn ba trăm linh hai.
C. Bốn mươi bảy nghìn không trăm ba mươi hai. D. Bốn mươi bảy nghìn ba trăm không mươi hai.

Phương pháp:

Số 47032 đọc là: Bốn mươi bảy nghìn không trăm ba mươi hai.

Cách giải:

Số 47032 đọc là: Bốn mươi bảy nghìn không trăm ba mươi hai.

Chọn C.

Câu 2: Chữ số 7 trong số 5729018 có giá trị là:

- A. 7000 B. 70000 C. 700000 D. 700

Phương pháp:

Chữ số 7 trong số 5 729 018 có giá trị là 700 000.

Cách giải:

Chữ số 7 trong số 5 729 018 có giá trị là 700 000.

Chọn C.

Câu 3: Viết số thích hợp vào chỗ chấm của: 4 tạ 9 kg = ... kg

- A. 400 B. 490 C. 409 D. 419

Phương pháp:

Đổi: 4 tạ = 400 kg; 4 tạ 9 kg = kg.

Cách giải:

Đổi: 4 tạ = 400 kg

4 tạ 9 kg = 409 kg

Chọn C.

Câu 4: 2 phút 15 giây = giây

- A. 115 B. 135 C. 130 D. 140

Phương pháp:

1 phút = 60 giây. Từ đây đổi 2 phút 15 giây sang đơn vị giây.

Cách giải:

2 phút 15 giây = 2 phút + 15 giây = 120 giây + 15 giây = 135 giây.

Chọn B.

Câu 5: Số thích hợp để viết vào chỗ chấm $9 \text{ m}^2 5 \text{ dm}^2 = \dots \text{ dm}^2$ là:

A. 95

B. 950

C. 9005

D. 905

Phương pháp:

Đổi $9 \text{ m}^2 = 900 \text{ dm}^2$ rồi cộng với 5 dm^2 .

Cách giải:

$$9 \text{ m}^2 5 \text{ dm}^2 = 905 \text{ dm}^2$$

Vậy số cần điền là 905.

Chọn D.

Câu 6: Hình vẽ bên có?



A. Hai đường thẳng song song. Hai góc vuông. B. Hai đường thẳng song song. Ba góc vuông.

C. Ba đường thẳng song song. Hai góc vuông. D. Ba đường thẳng song song. Ba góc vuông.

Phương pháp:

Quan sát hình vẽ, chọn câu đúng.

Cách giải:

Quan sát hình vẽ ta có: Hai đường thẳng song song. Hai góc vuông.

Chọn A.

II. TỰ LUẬN

Câu 7: Điền số thích hợp vào chỗ chấm:

a) 4 yến 30 kg = kg

b) 5 thế kỉ = năm

c) 3 km 15 m = m

d) 4 giờ 36 phút = phút

Phương pháp:

a) 1 yến = 10 kg. Đổi 4 yến sang ki-lô-gam rồi cộng với 30kg.

b) 1 thế kỉ = 100 năm. Đổi 5 thế kỉ = năm.

c) 1km=1000m. Đổi 3km sang mét rồi cộng với 15 mét.

d) 1 giờ = 60 phút, đổi 4 giờ sang phút rồi cộng với 36 phút.

Cách giải:

a) 4 yến 30 kg = 70 kg.

b) 5 thế kỉ = 500 năm.

c) $3 \text{ km } 15 \text{ m} = 3015 \text{ m}$.

d) $4 \text{ giờ } 36 \text{ phút} = 276 \text{ phút}$.

Câu 8: Đặt tính rồi tính.

a) $235789 + 121021$

b) $89743 - 11599$

Phương pháp:

Đặt tính sao cho các chữ số trong cùng một hàng thẳng cột với nhau rồi thực hiện cộng (trừ) các hàng thẳng cột theo thứ tự từ phải qua trái.

Cách giải:

$$\begin{array}{r} 235789 \\ + 121021 \\ \hline 356810 \end{array} \qquad \begin{array}{r} 89743 \\ - 11599 \\ \hline 78144 \end{array}$$

Câu 9: Tính giá trị của biểu thức: $326 - 57 \times y$ với $y = 3$.**Phương pháp:**

Thay $y = 3$ vào biểu thức rồi tính giá trị của biểu thức, ưu tiên thực hiện phép nhân trước, phép trừ sau.

Cách giải:

Với $y = 3$ thay vào biểu thức $326 - 57 \times y$ ta được:

$$326 - 57 \times 3 = 326 - 171 = 155$$

Chọn A.

Câu 10: Lớp 4A có 30 học sinh, lớp 4B có 32 học sinh, lớp 4C có số học sinh ít hơn lớp 4A là 3 bạn. Hỏi cả ba lớp có bao nhiêu học sinh?

Phương pháp:

Bước 1: Tính tổng số học sinh lớp 4A và lớp 4B

Bước 2: Tính số học sinh lớp 4C = Số học sinh lớp 4A - 3

Bước 3: Tính tổng số học sinh của cả ba lớp.

Cách giải:

Lớp 4A và 4B có số học sinh là:

$$30 + 32 = 62 \text{ (học sinh)}$$

Lớp 4C có số học sinh là:

$$30 - 3 = 27 \text{ (học sinh)}$$

Cả ba lớp có số học sinh là:

$$62 + 27 = 89 \text{ (học sinh)}$$

Đáp số: 89 học sinh.

Loigiaihay.com

Loigiaihay.com

Loigiaihay.com

Loigiai

Loigiaihay.com

Loigiaihay.com

Loigiaiha

Loigiaihay.com